

QUYẾT ĐỊNH

Giao chỉ tiêu thực hiện Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao chỉ tiêu thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn tại Tờ trình số: 266/TTr-TTYT ngày 02/3/2020 và theo đề nghị của Trưởng phòng Y tế huyện,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình năm 2020 cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện theo 02 Phụ lục đính kèm:


Phụ lục 1: Chỉ tiêu công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình năm 2020.

Phụ lục 2: Chỉ tiêu thực hiện các biện pháp tránh thai năm 2020.

Điều 2. Giao Giám đốc Trung tâm Y tế Tây Sơn căn cứ chỉ tiêu được phê duyệt tại Điều 1, chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện đúng quy định, đạt kết quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn, Trưởng phòng Y tế huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / 

Nơi nhận:

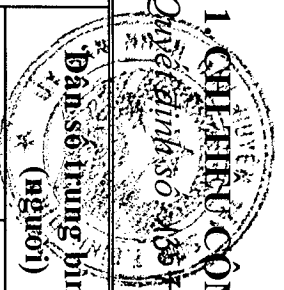
- Như Điều 3;
- Sở Y tế;
- Chi cục DS-KHHGĐ tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- PVP VX;
- Lưu: VT. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Bùi Văn Mỹ

Phụ lục 1. CHI TIẾT CÔNG TÁC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 3051 /QĐ-UBND ngày 13 /3/2020 của Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn)



TT	Đơn vị xã, thị trấn	Dân số trung bình năm (người)		Mức giảm tỷ suất sinh (%)	Mức giảm tỷ lệ sinh con thứ 3+ (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (%)		Tỷ lệ sàng lọc trước sinh (%)	
		Năm 2019	Năm 2020			Tỷ lệ (%)	Số ca miễn phí	Tỷ lệ (%)	Số ca miễn phí
01	T.T Phú Phong	19.698	19.806	0,10	0,20	50,0	8	25,0	7
02	Xã Bình Hòa	7.492	7.533	0,00	0,20	50,0	5	25,0	4
03	Xã Bình Nghi	13.107	13.179	0,10	0,30	50,0	7	25,0	6
04	Xã Bình Tân	5.862	5.894	0,20	0,45	50,0	6	25,0	5
05	Xã Bình Thành	9.117	9.167	0,00	1,20	50,0	6	25,0	5
06	Xã Bình Thuận	6.937	6.975	0,20	0,45	50,0	6	25,0	5
07	Xã Bình Tường	8.230	8.275	0,30	0,45	50,0	7	25,0	6
08	Xã Tây An	4.219	4.242	0,10	0,45	50,0	3	25,0	3
09	Xã Tây Bình	4.738	4.764	0,00	0,00	50,0	3	25,0	3
10	Xã Tây Giang	10.224	10.280	0,00	1,20	50,0	7	25,0	6
11	Xã Tây Phú	7.460	7.501	0,10	0,00	50,0	6	25,0	5
12	Xã Tây Thuận	6.339	6.373	0,20	0,20	50,0	6	25,0	5
13	Xã Tây Vinh	5.623	5.653	0,10	0,25	50,0	4	25,0	4
14	Xã Tây Xuân	5.611	5.641	0,20	0,00	50,0	4	25,0	4
15	Xã Vinh An	1.311	1.318	1,35	1,40	50,0	22	25,0	22
Tổng cộng		115.968	116.601	0,10	0,20	50,0	100	25,0	90

Chú ý: Những địa phương được giao chỉ tiêu bằng 0: (Tỷ suất sinh dự trì ở mức $\leq 9\%$; Tỷ lệ con thứ 3 trở lên: Thị trấn duy trì ở mức 9% ; Đồng bằng và trung du duy trì ở mức 10% ; miền núi duy trì ở mức 15%).